BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2013/TT-BKHĐT	*Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2013*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 05/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về thủ tục hành chính của Nghị định số 43/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn chi tiết một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục và một số vấn đề liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định tại:

a) Luật Doanh nghiệp;

b) Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (Nghị định số 43/2010/NĐ-CP);

c) Nghị định số 05/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về thủ tục hành chính của Nghị định số 43/2010/NĐ-CP (Nghị định số 05/2013/NĐ-CP);

d) Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp (Nghị định số 102/2010/NĐ-CP).

2. Thông tư này áp dụng cho các đối tượng được quy định tại Điều 2 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp" là hồ sơ đăng ký thành lập mới doanh nghiệp hoặc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

2. "Giấy tờ chứng thực cá nhân" trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là các giấy tờ theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

3. "Bản sao" giấy tờ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là bản sao hợp lệ giấy tờ theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 05/2013/NĐ-CP.

4. "Đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử" là việc người thành lập doanh nghiệp thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

5. "Hồ sơ đăng ký điện tử" là hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được nộp qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, bao gồm các giấy tờ theo quy định như hồ sơ nộp bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký điện tử có giá trị pháp lý như hồ sơ nộp bằng bản giấy.

6. "Văn bản điện tử" là dữ liệu điện tử được tạo hoặc được quét (scan) từ văn bản giấy theo định dạng ".pdf" hoặc ".doc" và thể hiện chính xác, toàn vẹn nội dung của văn bản giấy.

7. "Chữ ký số" là một dạng chữ ký điện tử theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

8. "Tài khoản đăng ký kinh doanh" là tài khoản được tạo bởi Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia để cấp cho người đăng ký doanh nghiệp. Tài

khoản đăng ký kinh doanh được sử dụng để xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử trong trường hợp người thành lập doanh nghiệp không sử dụng chữ ký số công cộng.

9. "Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp" bao gồm thông tin về đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hành vi vi phạm của doanh nghiệp trong đăng ký doanh nghiệp, quyết định chấp thuận hoặc từ chối hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, thông tin về lịch sử đăng ký doanh nghiệp, thông tin về việc nhận mã số doanh nghiệp từ Hệ thống đăng ký thuế và các thông tin cần thiết khác để hỗ trợ quá trình đăng ký doanh nghiệp tại các Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

10. "Số hóa thông tin" là quá trình chuyển đổi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy thành tài liệu điện tử lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

11. "Công ty CP", "công ty TNHH" là từ viết tắt của "công ty cổ phần", "công ty trách nhiệm hữu hạn".

Điều 3. Mã số doanh nghiệp, mã số chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và mã số đăng ký hộ kinh doanh

1. Mã số doanh nghiệp, mã số chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:

a) Mã số doanh nghiệp, mã số chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

b) Mã số doanh nghiệp đồng thời là mã số thuế của doanh nghiệp; mã số chi nhánh đồng thời là mã số thuế của chi nhánh; mã số văn phòng đại diện đồng thời là mã số thuế của văn phòng đại diện.

c) Mã số của địa điểm kinh doanh là mã số gồm 5 chữ số được cấp theo số thứ tự từ 00001 đến 99999. Mã số này do cơ quan thuế tạo và gửi cho Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp địa điểm kinh doanh thuộc doanh nghiệp) hoặc ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (đối với trường hợp địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh). Mã số này không phải là mã số thuế của địa điểm kinh doanh.

d) Quy trình tạo và cấp mã số doanh nghiệp, mã số chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

đ) Trường hợp doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế do vi phạm pháp luật về thuế thì doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp không được sử dụng mã số thuế trong các giao dịch

kinh tế, kể từ ngày cơ quan thuế thông báo công khai về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

e) Đối với các chi nhánh, văn phòng đại diện đã thành lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp mã số theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, doanh nghiệp liên hệ trực tiếp với cơ quan thuế để được cấp mã số thuế 13 số, sau đó thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động tại Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định.

2. Mã số đăng ký hộ kinh doanh:

a) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ghi mã số đăng ký hộ kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo cấu trúc sau:

- Mã cấp tỉnh: 02 ký tự, theo Phụ lục VII-2 ban hành kèm theo Thông tư này;
- Mã cấp huyện: 01 ký tự, theo Phụ lục VII-2 ban hành kèm theo Thông tư này;
- Mã loại hình: 01 ký tự, 8 = hộ kinh doanh;
- Số thứ tự hộ kinh doanh: 06 ký tự, từ 000001 đến 999999.

b) Các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được thành lập mới sau ngày ban hành Thông tư này, được chèn mã tiếp, theo thứ tự của bảng chữ cái tiếng Việt.

c) Trường hợp tách quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh sau ngày ban hành Thông tư này, đơn vị bị tách giữ nguyên mã chữ cũ và đơn vị được tách được chèn mã tiếp, theo thứ tự của bảng chữ cái tiếng Việt.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư mã mới của cấp huyện được thành lập mới.

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh

1. Việc ghi ngành, nghề kinh doanh trong đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP, Điều 1 Nghị định số 05/2013/NĐ-CP, Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam và Quyết định số 337/2007/QĐ-BKH ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy định nội dung Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

2. Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp phải lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh trong Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký ngành, nghề kinh doanh chi tiết hơn ngành kinh tế cấp bốn thì doanh nghiệp lựa chọn một ngành kinh tế cấp

bốn trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, sau đó ghi chi tiết ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp ngay dưới ngành cấp bốn nhưng phải đảm bảo ngành, nghề kinh doanh chi tiết của doanh nghiệp phù hợp với ngành cấp bốn đã chọn. Trong trường hợp này, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh trong phạm vi ngành, nghề chi tiết đã ghi.

4. Việc ghi ngành, nghề kinh doanh quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều này; trong đó, ngành, nghề kinh doanh chi tiết được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

5. Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền khẳng định doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện được lưu dưới dạng dữ liệu điện tử

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện được lưu dưới dạng dữ liệu điện tử trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký điện tử) có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện bằng bản giấy do Phòng Đăng ký kinh doanh cấp cho doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện.

2. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký điện tử lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại cùng thời điểm có nội dung khác so với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện bằng bản giấy, Giấy chứng nhận có giá trị pháp lý là Giấy chứng nhận có nội dung được ghi đúng theo nội dung trong hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp.

Điều 6. Thời hạn doanh nghiệp thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và các giấy tờ thay thế Biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày doanh nghiệp ra

Quyết định (hoặc Nghị quyết) thay đổi các nội dung này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên, Hội đồng thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty CP hoặc những người có thẩm quyền trong doanh nghiệp có trách nhiệm ban hành Quyết định (hoặc Nghị quyết) bằng văn bản về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày doanh nghiệp quyết định thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Biên bản họp có quy định cụ thể về thời hạn ra Quyết định (hoặc Nghị quyết) khác với thời hạn nêu trên.

3. Trường hợp Hội đồng thành viên công ty TNHH và Đại hội đồng cổ đông công ty CP thông qua các quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP và Thông tư này có thể được thay thế bằng Biên bản kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty CP hoặc Báo cáo kết quả kiểm phiếu của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH.

Điều 7. Đăng ký để được cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Những doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trước ngày Nghị định số 43/2010/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và những doanh nghiệp đã được Ban Quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh không bắt buộc phải thực hiện thủ tục đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và sẽ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

2. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, doanh nghiệp có thể nộp Giấy đề nghị cấp đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục II-13 ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký thuế; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế để được Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 02 ngày làm việc.

Điều 8. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Các trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục II-14 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp không đúng hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo yêu cầu doanh nghiệp hoàn chỉnh và nộp hồ sơ hợp lệ theo quy định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo để được xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 9. Ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp

Trường hợp người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, nhận kết quả giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp, khi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh đề nghị người làm thủ tục nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc các giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác và giấy tờ sau:

1. Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp và tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc

2. Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký đối với tổ chức tín dụng

Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký đối với tổ chức tín dụng, đơn vị phụ thuộc, thông báo lập địa điểm kinh doanh của tổ chức tín dụng thực hiện tương ứng như với các loại hình doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP và Thông tư này, kèm theo hồ sơ phải có bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.

Điều 11. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc, thông báo lập địa điểm kinh doanh

1. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính là cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

2. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh là cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc, thông báo lập địa điểm kinh doanh.

3. Khi tiếp nhận hồ sơ, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận hồ sơ cho doanh nghiệp.

4. Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện việc xử lý hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 12. Cấp đăng ký doanh nghiệp theo quy trình dự phòng

1. Quy trình cấp đăng ký doanh nghiệp dự phòng là quy trình cấp đăng ký doanh nghiệp không thực hiện thông qua Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Việc phối hợp giải quyết thủ tục cấp đăng ký doanh nghiệp giữa Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và cơ quan thuế trong trường hợp này thực hiện theo quy trình luân chuyển hồ sơ bằng bản giấy.

3. Căn cứ vào thời gian dự kiến khắc phục sự cố hoặc nâng cấp Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo trước về thời gian dự kiến các Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện việc cấp đăng ký doanh nghiệp theo quy trình dự phòng.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc cấp đăng ký doanh nghiệp theo quy trình dự phòng, các Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh phải nhập, chuyển đổi toàn bộ dữ liệu đã cấp cho doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Chương II
ĐĂNG KÝ TÊN DOANH NGHIỆP, TÊN CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Điều 13. Tên doanh nghiệp, tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Danh mục chữ cái sử dụng trong đặt tên doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP được quy định tại Phụ lục VII-1 ban hành kèm theo Thông tư này. Danh mục chữ cái này cũng được sử dụng để đặt tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Tên doanh nghiệp gồm hai thành tố được đặt theo thứ tự như sau:

a) Thành tố thứ nhất: Loại hình doanh nghiệp;

b) Thành tố thứ hai: Tên riêng của doanh nghiệp.

3. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài không được trùng với tên viết bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký. Tên viết tắt của doanh nghiệp không được trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký.

4. Ngoài tên bằng tiếng Việt, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp có thể đăng ký tên bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt.

5. Phần tên riêng trong tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp không được sử dụng cụm từ "công ty", "doanh nghiệp".

Điều 14. Xử lý tranh chấp, khiếu nại về tên doanh nghiệp

1. Các doanh nghiệp có tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn tự thương lượng với nhau để đăng ký đổi tên doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thể bổ sung tên địa danh để làm yếu tố phân biệt tên doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ được bổ sung tên địa danh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Việc đăng ký bổ sung tên địa danh vào tên doanh nghiệp để làm yếu tố phân biệt tên doanh nghiệp không được vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Trường hợp các doanh nghiệp không tự thương lượng được với nhau để đăng ký đổi tên hoặc bổ sung tên địa danh để làm yếu tố phân biệt tên doanh nghiệp, việc xử lý tên doanh nghiệp bị trùng hoặc gây nhầm lẫn thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

2. Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh phát hiện có doanh nghiệp tại các tỉnh, thành phố khác được cấp đăng ký tên trùng với tên của doanh nghiệp đã được cấp đăng ký trước đây tại địa phương, Phòng Đăng ký kinh doanh trao đổi với Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trùng tên để yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đăng ký đổi tên theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Các vấn đề tranh chấp, khiếu nại về tên doanh nghiệp bị trùng hoặc gây nhầm lẫn trong thời gian cấp đăng ký doanh nghiệp theo quy trình dự phòng quy định tại Thông tư này được giải quyết theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Chương III
HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, THÔNG BÁO LẬP ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Điều 15. Các mẫu giấy tờ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, thông báo lập địa điểm kinh doanh

1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, danh sách thành viên, cổ đông sáng lập, người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thông báo và các văn bản khác do doanh nghiệp phát hành thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Các mẫu giấy tờ do Phòng Đăng ký kinh doanh ban hành

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thông báo về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thông báo khác của Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh, chi nhánh, văn phòng đại diện đăng ký tạm ngừng hoạt động thực hiện theo mẫu quy định tại các Phụ lục V-6, V-7 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Giấy biên nhận hồ sơ thực hiện theo mẫu quy định tại các Phụ lục V-15, V-16 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo mẫu quy định tại các Phụ lục V-9, V-10 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 17. Hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH, công ty CP

1. Hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH, công ty CP bao gồm các giấy tờ sau:

a) Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty;

b) Bản sao giấy tờ chứng thực cá nhân của người thay thế làm đại diện theo pháp luật của công ty;

c) Quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty TNHH một thành viên, Quyết định bằng văn bản và bản sao Biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật;

Quyết định bằng văn bản và bản sao Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty CP về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật làm thay đổi nội dung Điều lệ công ty hoặc trường hợp Điều lệ công ty CP quy định Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật và Đại hội đồng cổ đông công ty bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Quyết định bằng văn bản và bản sao Biên bản họp của Hội đồng quản trị đối với công ty CP trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật không làm thay đổi nội dung của Điều lệ công ty ngoài nội dung họ, tên, chữ ký của

người đại diện theo pháp luật của công ty quy định tại Khoản 15 Điều 22 Luật Doanh nghiệp.

2. Người ký thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật là một trong những cá nhân sau:

a) Chủ sở hữu công ty đối với công ty TNHH một thành viên có chủ sở hữu là cá nhân.

b) Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty TNHH một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức.

c) Chủ tịch Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là Chủ tịch Hội đồng thành viên mới được Hội đồng thành viên bầu.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với công ty CP. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là Chủ tịch Hội đồng quản trị mới được Đại hội cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bầu.

Điều 18. Hồ sơ đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên do thừa kế

1. Trường hợp công ty TNHH một thành viên thay đổi chủ sở hữu do thừa kế thì công ty đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty. Hồ sơ bao gồm:

a) Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên do chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;

b) Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty do chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;

c) Bản sao giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu mới;

d) Bản sao Giấy chứng tử đối với chủ sở hữu cũ;

đ) Văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người được thừa kế.

2. Trường hợp có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên. Hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;

b) Điều lệ công ty chuyển đổi do tất cả tổ chức, cá nhân là thành viên được thừa kế cùng ký tên;

c) Danh sách thành viên;

d) Bản sao giấy tờ chứng thực cá nhân của các thành viên đối với trường hợp thành viên là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác đối với trường hợp thành viên là tổ chức;

đ) Bản sao Giấy chứng tử đối với chủ sở hữu cũ;

e) Văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của các tổ chức, cá nhân được thừa kế.

Điều 19. Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp

Việc đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên trong trường hợp tặng cho toàn bộ phần vốn góp thực hiện như đối với trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp quy định tại Điều 43 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP. Trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hợp đồng tặng cho phần vốn góp được sử dụng thay thế cho hợp đồng chuyển nhượng và các giấy tờ chứng thực hoàn tất việc chuyển nhượng.

Điều 20. Thay đổi cổ đông sáng lập công ty CP

1. Trường hợp có cổ đông sáng lập không thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sau thời hạn quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều 23 Nghị định số 102/2010/NĐ-CP, số cổ phần chưa thanh toán của cổ đông sáng lập được xử lý theo quy định tại Khoản 3 Điều 84 Luật Doanh nghiệp.

Sau thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập chưa thực hiện thanh toán số cổ phần theo đăng ký đương nhiên không còn là cổ đông của công ty; không có quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông sáng lập chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán.

Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 41 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

2. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức đã bị sáp nhập hoặc hợp nhất vào doanh nghiệp khác, việc đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập thực hiện như trường hợp đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập do chuyển nhượng cổ phần quy định tại Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP. Trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hợp đồng sáp nhập hoặc hợp đồng hợp nhất doanh nghiệp được sử dụng thay thế cho hợp đồng chuyển nhượng và các giấy tờ chứng thực hoàn tất việc chuyển nhượng.

3. Việc đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập công ty CP trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chỉ thực hiện trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày

công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sau thời hạn trên, Phòng Đăng ký kinh doanh không thực hiện việc đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập công ty CP trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Việc thay đổi các thông tin về cổ đông của công ty được thể hiện tại Sổ đăng ký cổ đông của công ty.

Điều 21. Thay đổi thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên do không thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần vốn cam kết góp

Việc thay đổi thành viên của công ty TNHH hai thành viên trở lên do có thành viên không thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần vốn đã cam kết góp thực hiện như sau:

1. Sau thời hạn cam kết góp vốn lần cuối, thành viên chưa góp vốn vào công ty đương nhiên không còn là thành viên của công ty và không có quyền chuyển nhượng quyền góp vốn đó cho người khác theo quy định tại Khoản 4 Điều 18 Nghị định số 102/2010/NĐ-CP.

2. Xử lý phần vốn chưa góp của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên theo quy định tại Khoản 5 Điều 18 Nghị định số 102/2010/NĐ-CP.

3. Số phiếu biểu quyết tại Hội đồng thành viên của công ty thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Nghị định số 102/2010/NĐ-CP.

4. Đăng ký thay đổi thành viên trong trường hợp này theo quy định tại Khoản 4 Điều 42 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

Điều 22. Đăng ký tăng vốn điều lệ công ty CP do phát hành cổ phần chào bán

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục tăng vốn điều lệ công ty CP thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 40 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

2. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phát hành cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ, đồng thời giao Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc mỗi đợt chào bán cổ phần, việc đăng ký thực hiện như sau:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi kết thúc mỗi đợt chào bán cổ phần, công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

b) Quyết định bằng văn bản và bản sao Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ, trong đó nêu rõ số lượng cổ phần chào bán và giao Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc mỗi đợt chào bán cổ phần;

c) Quyết định bằng văn bản và bản sao Biên bản họp của Hội đồng quản trị công ty CP về việc đăng ký tăng vốn điều lệ công ty sau khi kết thúc mỗi đợt chào bán cổ phần.

Điều 23. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh

1. Doanh nghiệp thay đổi nội dung đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

2. Thông báo về việc thay đổi thông tin đăng ký thuế thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục II-6 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật dữ liệu vào Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia để chuyển thông tin sang cơ sở dữ liệu của Tổng cục Thuế, đồng thời lưu Thông báo vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

Điều 24. Trình tự, thủ tục đăng ký giải thể doanh nghiệp

1. Trước khi thực hiện thủ tục đăng ký giải thể doanh nghiệp, doanh nghiệp phải làm thủ tục chấm dứt hoạt động của các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp tại Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc giải thể doanh nghiệp và thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi hồ sơ giải thể đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Hồ sơ giải thể doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 Nghị định số 102/2010/NĐ-CP.

3. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo về việc giải thể doanh nghiệp cho cơ quan thuế, cơ quan công an cấp tỉnh trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ giải thể hợp lệ của doanh nghiệp. Thông báo về việc đăng ký giải thể của doanh nghiệp thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V-12 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ giải thể hợp lệ của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc doanh nghiệp đã giải thể và xóa tên doanh nghiệp trong Sổ đăng ký kinh doanh nếu cơ quan thuế và cơ quan công an không có yêu cầu khác. Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V-13 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Đối với hồ sơ giải thể chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trường hợp doanh nghiệp đã có Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu, các giấy tờ phải nộp bổ sung hoặc phải sửa đổi của doanh nghiệp theo yêu cầu của Phòng Đăng ký kinh doanh không phải đóng dấu.

Điều 25. Hồ sơ, thủ tục chấm dứt tồn tại của công ty bị chia, công ty bị hợp nhất, công ty bị sáp nhập

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tất cả các công ty được chia, công ty hợp nhất đã đăng ký thành lập, công ty nhận sáp nhập đã thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, công ty bị chia, công ty bị hợp nhất, công ty bị sáp nhập gửi Thông báo về việc doanh nghiệp chấm dứt tồn tại tới Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính theo mẫu quy định tại Phụ lục II-17 ban hành kèm theo Thông tư này.

Kèm theo Thông báo phải có bản sao quyết định chia công ty, bản sao hợp đồng hợp nhất công ty, bản sao hợp đồng sáp nhập của công ty.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh kiểm tra thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và ra Thông báo về việc xóa tên doanh nghiệp do bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập theo mẫu quy định tại Phụ lục V-14 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 26. Đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp sau khi chuyển đổi thành công ty TNHH, công ty CP

Sau khi công ty nhà nước được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chuyển đổi thành công ty TNHH, công ty CP; công ty TNHH được chuyển đổi thành công ty CP và ngược lại; doanh nghiệp tư nhân được chuyển đổi thành công ty TNHH; các chi nhánh, văn phòng đại diện của những doanh nghiệp nêu trên thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP và Thông tư này.

Điều 27. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Khi chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Đối với việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo Thông báo phải có:

a) Quyết định của Chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của Chủ sở hữu hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty TNHH một thành viên, của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, của Hội đồng quản trị đối với công ty CP, của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện;

b) Giấy xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh;

c) Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện.

2. Phòng Đăng ký kinh doanh nhận thông báo, nhập thông tin vào Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, xóa tên các địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh và thu lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; xóa địa điểm kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đối với trường hợp chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh; đồng thời ra Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Chương IV
ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUA MẠNG ĐIỆN TỬ

Điều 28. Áp dụng đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử

1. Tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn hình thức đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử hoặc nộp hồ sơ đăng ký trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh. Phòng Đăng ký kinh doanh khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tìm hiểu thông tin, thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

2. Để đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử, tổ chức, cá nhân có thể sử dụng chữ ký số công cộng hoặc sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh.

3. Để tạo điều kiện thuận lợi, an toàn cho người thành lập doanh nghiệp và doanh nghiệp khi thực hiện đăng ký qua mạng điện tử, căn cứ thực tế và điều kiện hạ tầng kỹ thuật, việc áp dụng đăng ký qua mạng điện tử được thực hiện theo lộ trình từng bước đối với các trường hợp đăng ký doanh nghiệp khác nhau. Các trường hợp áp dụng đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được thể hiện trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Điều 29. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử hợp lệ

Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được coi là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:

1. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử.

2. Có đầy đủ các giấy tờ theo quy định như hồ sơ nộp bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy.

3. Đối với trường hợp sử dụng chữ ký số công cộng, số lượng chữ ký và người ký trong hồ sơ đăng ký điện tử phải tương ứng với số lượng và người ký trong hồ sơ bằng bản giấy.

Đối với trường hợp không sử dụng chữ ký số công cộng, hồ sơ đăng ký điện tử phải được xác thực bằng Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật.

Điều 30. Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng

1. Người thành lập doanh nghiệp kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử và thanh toán lệ phí qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Sau khi hoàn thành quy trình gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

3. Phòng Đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét, gửi thông báo qua mạng cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để tạo mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

4. Doanh nghiệp có thể nhận trực tiếp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký và trả phí để nhận qua đường bưu điện.

5. Quy trình đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử quy định tại Điều này cũng áp dụng đối với việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 31. Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp không sử dụng chữ ký số công cộng

1. Người thành lập doanh nghiệp kê khai thông tin, tải văn bản điện tử của các giấy tờ chứng thực cá nhân tại Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia để được cấp Tài khoản đăng ký kinh doanh.

2. Người thành lập doanh nghiệp sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh để kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, xác thực hồ sơ và thanh toán lệ phí qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

3. Sau khi hoàn thành quy trình gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

4. Phòng Đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để tạo mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

5. Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp phải nộp một bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

6. Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.

Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.

7. Doanh nghiệp có thể nhận trực tiếp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký và trả phí để nhận qua đường bưu điện.

8. Người nộp hồ sơ chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và chính xác của bộ hồ sơ nộp bằng bản giấy so với bộ hồ sơ được gửi qua mạng điện tử. Trường hợp bộ hồ sơ nộp bằng bản giấy không chính xác so với bộ hồ sơ được gửi qua mạng điện tử mà người nộp hồ sơ không thông báo với Phòng Đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ bằng bản giấy thì được coi là giả mạo hồ sơ và sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 60 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

9. Quy trình đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử quy định tại Điều này cũng áp dụng đối với việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 32. Thanh toán phí, lệ phí qua mạng điện tử

1. Phương thức thanh toán phí, lệ phí qua mạng điện tử được hỗ trợ trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Khi phát sinh lỗi giao dịch trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử, tổ chức, cá nhân thanh toán phí, lệ phí qua mạng điện tử liên hệ với tổ chức trung gian cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử để được giải quyết.

3. Phí sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử không được tính trong lệ phí đăng ký doanh nghiệp, phí cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Điều 33. Xử lý vi phạm, khiếu nại và giải quyết tranh chấp liên quan đến chữ ký số công cộng, Tài khoản đăng ký kinh doanh

Việc xác định và xử lý các tranh chấp, khiếu nại và hành vi vi phạm liên quan đến việc quản lý, sử dụng chữ ký số công cộng, Tài khoản đăng ký kinh doanh thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương V
XỬ LÝ VI PHẠM TRONG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP VÀ THỦ TỤC THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Điều 34. Các trường hợp không thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp không được thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

a) Đã bị Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đã bị ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Đang trong quá trình giải thể theo quyết định giải thể của doanh nghiệp;

c) Theo yêu cầu của Tòa án hoặc Cơ quan thi hành án.

2. Doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều này được tiếp tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

a) Đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong Thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và được Phòng Đăng ký kinh doanh chấp nhận.

b) Phải đăng ký thay đổi một số nội dung đăng ký doanh nghiệp để phục vụ quá trình giải thể và hoàn tất bộ hồ sơ giải thể theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của doanh nghiệp về lý do đăng ký thay đổi.

c) Đã thực hiện quyết định của Tòa án hoặc Cơ quan thi hành án và có ý kiến chấp thuận của Tòa án, Cơ quan thi hành án.

Điều 35. Bổ sung thông tin liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

1. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh xem xét cập nhật các thông tin về doanh nghiệp trên địa bàn vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để phục vụ công tác quản lý nhà nước.

2. Các thông tin liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp được cập nhật để phục vụ công tác quản lý nhà nước, bao gồm:

a) Văn bản, quyết định do Tòa án, Cơ quan thi hành án, cơ quan công an, cơ quan thuế, cơ quan thanh tra và các cơ quan quản lý nhà nước khác gửi cho Phòng Đăng ký kinh doanh;

b) Thông báo về hành vi vi phạm của doanh nghiệp và Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh trực tiếp ban hành;

c) Thông tin về tình trạng doanh nghiệp đã đóng mã số thuế nhưng chưa đăng ký giải thể, doanh nghiệp ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế trên địa bàn do cơ quan thuế gửi cơ quan đăng ký kinh doanh.

Điều 36. Xử lý đối với trường hợp kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không trung thực, không chính xác

1. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác thì Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật. Sau khi có quyết định xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp làm lại hồ sơ để cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Sau thời hạn hẹn trong thông báo của Phòng Đăng ký kinh doanh mà doanh nghiệp không nộp hồ sơ để cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 163 Luật Doanh nghiệp.

Điều 37. Xác định và công bố hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Trước khi ra Thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong trường hợp cần thiết, Phòng Đăng ký kinh doanh có thể mời đại diện Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan như cơ quan thuế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở quản lý ngành,... tham dự cuộc họp liên ngành để xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi Thông báo, Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp và đăng tải thông tin trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Điều 38. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do nội dung đăng ký doanh nghiệp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo

1. Trường hợp hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp là giả mạo, Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đồng thời ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Trường hợp xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là giả mạo:

a) Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đồng thời quyết định hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được đăng ký trên cơ sở các thông tin giả mạo và cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất.

Doanh nghiệp có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp trong các lần đăng ký bị hủy bỏ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

b) Phòng Đăng ký kinh doanh không giải quyết những tranh chấp hay vấn đề phát sinh do việc giả mạo hồ sơ gây ra giữa doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân khác hoặc trong nội bộ doanh nghiệp.

Chương VI
ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Điều 39. Các mẫu giấy tờ sử dụng trong đăng ký hộ kinh doanh

1. Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III-1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Danh sách cá nhân góp vốn thành lập hộ kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III-2 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thông báo tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III-4 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Thông báo về hành vi vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và các thông báo khác của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VI-4 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 40. Tên hộ kinh doanh

1. Việc đặt tên hộ kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

2. Danh mục chữ cái sử dụng trong đặt tên hộ kinh doanh thực hiện theo quy định tại Phụ lục VII-1 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hộ kinh doanh không được sử dụng các cụm từ "công ty", "doanh nghiệp" để đặt tên hộ kinh doanh.

Điều 41. Quyền đăng ký hộ kinh doanh và việc thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh

1. Cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 50 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP chỉ được quyền đăng ký một hộ kinh doanh trên phạm vi toàn quốc và được quyền góp vốn, mua cổ phần ở doanh nghiệp với tư cách cá nhân.

2. Việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III-3 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Khi thay đổi nội dung kinh doanh đã đăng ký, chủ hộ kinh doanh hoặc người đại diện hộ kinh doanh gửi thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh tới Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký.

Khi tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục VI-5 ban hành kèm theo Thông tư này và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 42. Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh

Khi chấm dứt hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh phải gửi Thông báo về việc chấm dứt hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục III-5 ban hành kèm theo Thông tư này và nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký, đồng thời thanh toán đầy đủ các khoản nợ, gồm cả nợ thuế và nghĩa vụ tài chính chưa thực hiện.

Điều 43. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

1. Các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

2. Trường hợp hộ kinh doanh không tiến hành hoạt động kinh doanh trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; hoặc ngừng hoạt động kinh doanh quá 06 tháng liên tục mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đăng ký thì Cơ quan đăng ký kinh doanh

thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu đại diện hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh để giải trình. Sau thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

3. Trường hợp hộ kinh doanh chuyển địa điểm kinh doanh sang quận, huyện, thị xã khác thì sau khi nhận được thông báo của hộ kinh doanh về việc chuyển địa điểm sang đơn vị cấp huyện khác, Cơ quan đăng ký kinh doanh ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

4. Trường hợp hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề bị cấm thì Cơ quan đăng ký kinh doanh ra Thông báo về hành vi vi phạm và ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

5. Trường hợp hộ kinh doanh được thành lập bởi những người không được quyền thành lập hộ kinh doanh thì:

a) Nếu hộ kinh doanh do một cá nhân thành lập và cá nhân đó không được quyền thành lập hộ kinh doanh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh ra Thông báo về hành vi vi phạm và ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

b) Nếu hộ kinh doanh do một nhóm cá nhân thành lập và một trong số cá nhân đó không được quyền thành lập hộ kinh doanh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh ra Thông báo về hành vi vi phạm và yêu cầu hộ kinh doanh đăng ký thay đổi cá nhân đó trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo. Nếu quá thời hạn trên mà hộ kinh doanh không đăng ký thay đổi thì Cơ quan đăng ký kinh doanh ra Thông báo về hành vi vi phạm và ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Chương VII
BỔ SUNG, CHUẨN HÓA THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ ĐĂNG KÝ THUẾ

Điều 44. Hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Việc hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Trường hợp doanh nghiệp phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thì doanh nghiệp gửi Giấy đề nghị hiệu đính thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II-12 ban hành kèm theo Thông tư này để yêu cầu Phòng Đăng ký kinh

doanh hiệu đính nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho phù hợp với hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đã nộp. Phòng Đăng ký kinh doanh nhận Giấy đề nghị, kiểm tra hồ sơ và thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị của doanh nghiệp nếu thông tin trong Giấy đề nghị của doanh nghiệp là chính xác.

2. Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thì gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc hiệu đính nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho phù hợp với hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đã nộp và thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày gửi thông báo.

3. Khi đến nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp phải nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ.

Điều 45. Bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

1. Trường hợp doanh nghiệp phát hiện nội dung thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp không có hoặc không chính xác do quá trình chuyển đổi dữ liệu, doanh nghiệp gửi Giấy đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục II-11 ban hành kèm theo Thông tư này cho Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính để bổ sung hoặc hiệu đính thông tin. Kèm theo Thông báo phải có bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận Thông báo của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính có trách nhiệm bổ sung hoặc hiệu đính thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh phát hiện nội dung thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp không có hoặc không chính xác với Giấy chứng nhận bằng bản giấy, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện, Phòng Đăng ký kinh doanh bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 46. Chuẩn hóa dữ liệu đối với trường hợp doanh nghiệp chưa đăng ký mã số thuế hoặc có thông tin sai khác giữa đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế

1. Trên cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp sau khi được chuyển đổi bao gồm dữ liệu về đăng ký kinh doanh và dữ liệu về đăng ký thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi Thông báo rà soát, cập nhật thông tin về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế theo mẫu quy định tại Phụ lục V-3 ban hành kèm theo Thông tư này cho từng doanh nghiệp và yêu cầu doanh nghiệp:

a) Gửi thông báo cập nhật thông tin chính xác về doanh nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục II-7 ban hành kèm theo Thông tư này tới Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày ký thông báo.

Nếu quá thời hạn trên mà Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh không nhận được thông báo của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp phải giải trình lý do và thực hiện báo cáo theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 163 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp không thực hiện báo cáo theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 163 Luật Doanh nghiệp, trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh có yêu cầu bằng văn bản, doanh nghiệp sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 165 Luật Doanh nghiệp.

b) Đăng ký mã số thuế trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo trong trường hợp doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mà chưa thực hiện việc đăng ký thuế. Trường hợp doanh nghiệp không thực hiện theo yêu cầu sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về thuế và bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 165 Luật Doanh nghiệp.

c) Báo cáo và thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày nhận được thông báo trong trường hợp nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp chưa thống nhất. Trường hợp doanh nghiệp không thực hiện theo yêu cầu tại Điểm này thì sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 165 Luật Doanh nghiệp.

2. Trên cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp tại địa phương, ít nhất mỗi năm một lần, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế và các cơ quan liên quan khác để triển khai chuẩn hóa dữ liệu về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Điều 47. Cập nhật, bổ sung thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung đầy đủ các thông tin còn thiếu trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp khi thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, bao gồm các thông tin: số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử (email), trang thông tin điện tử (website) của doanh nghiệp. Việc bổ sung thông tin số điện thoại của doanh nghiệp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là bắt buộc. Trường hợp doanh nghiệp không bổ sung thông tin về số điện thoại của doanh nghiệp thì hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp được coi là không hợp lệ theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

2. Trên cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp có nghĩa vụ thực hiện việc cập nhật, bổ sung thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 Luật Doanh nghiệp, như sau:

a) Trường hợp doanh nghiệp chỉ cập nhật, bổ sung những thông tin về số điện thoại, số fax, email, website, địa chỉ của doanh nghiệp do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ của cá nhân trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì doanh nghiệp gửi Thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục II-5 ban hành kèm theo Thông tư này đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Phòng Đăng ký kinh doanh nhận thông báo và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

b) Trường hợp doanh nghiệp chỉ cập nhật, bổ sung các thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mà không làm thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì doanh nghiệp gửi Thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục II-5 ban hành kèm theo Thông tư này đến Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

Phòng Đăng ký kinh doanh bổ sung thông tin vào hồ sơ của doanh nghiệp và cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp này, doanh nghiệp không phải trả phí.

Điều 48. Số hóa thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

1. Khi thực hiện cấp đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện việc số hóa thông tin tài liệu trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và lưu trữ đầy đủ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Trường hợp tài liệu trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp chưa được số hóa đầy đủ, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh hàng năm xây dựng kế hoạch triển khai và

kế hoạch ngân sách để tổ chức thực hiện việc số hóa và lưu trữ đầy đủ thông tin tài liệu trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 49. Bổ sung dữ liệu doanh nghiệp của địa phương vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

1. Trên cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp tại địa phương và dữ liệu hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, định kỳ hàng quý, hàng năm, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát, đối chiếu với dữ liệu thực tế của địa phương để chuyển đổi bổ sung dữ liệu còn thiếu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Phòng Đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của dữ liệu doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp do được chuyển đổi từ dữ liệu đăng ký kinh doanh của địa phương, đảm bảo các thông tin chuyển đổi là trùng khớp so với thông tin gốc.

Điều 50. Dữ liệu về báo cáo tài chính

1. Dữ liệu về báo cáo tài chính của công ty CP được truyền tải từ Hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp của Tổng cục Thuế và được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu về báo cáo tài chính của công ty CP tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán, Luật Quản lý thuế và các quy định về khai thác, sử dụng dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

Chương VIII
CỔNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUỐC GIA, CUNG CẤP THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Điều 51. Quy định chung về Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện truy cập vào Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo địa chỉ www.dangkykinhdoanh.gov.vn.

2. Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia cung cấp các ứng dụng cơ bản sau:

a) Đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử;

b) Dịch vụ thông tin đăng ký doanh nghiệp;

c) Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp;

d) Chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp;

đ) Hệ thống báo cáo về đăng ký doanh nghiệp;

e) Hệ quản trị nội dung.

3. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân lập trang thông tin điện tử, cổng thông tin với tên gọi trùng hoặc gây nhầm lẫn với Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

4. Nghiêm cấm các hành vi cản trở, ngăn chặn trái phép quá trình truyền, gửi, nhận thông tin hoặc thay đổi, xóa, hủy, giả mạo, phá hoại, truy cập trái phép vào Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia với bất cứ hình thức nào, nếu vi phạm tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Nghiêm cấm việc sử dụng thông tin về đăng ký doanh nghiệp vào các mục đích trái pháp luật; kinh doanh thông tin về đăng ký doanh nghiệp mà chưa có sự chấp thuận của cơ quan cung cấp thông tin; cố ý làm sai lệch nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp, chuyển nhượng thông tin đăng ký doanh nghiệp bất hợp pháp, sai đối tượng.

Điều 52. Chức năng của Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia

1. Cung cấp các thông tin về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về doanh nghiệp, đăng ký doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội; tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp tra cứu tên, đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử, thực hiện các quy định về công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.

3. Cung cấp thông tin về đăng ký doanh nghiệp và báo cáo tài chính của công ty CP trên phạm vi cả nước.

4. Công bố thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Chuẩn hóa dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp.

6. Trao đổi thông tin với hệ thống thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước khác theo quy định của pháp luật.

7. Cung cấp các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Khai thác thông tin trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia

1. Thông tin được cung cấp công khai, miễn phí trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia bao gồm: tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp.

2. Thông tin về đăng ký doanh nghiệp phải trả phí:

a) Thông tin về một doanh nghiệp bao gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện;

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;

- Điều lệ doanh nghiệp;

- Báo cáo tài chính của công ty CP;

- Báo cáo về lịch sử hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất bao gồm: thông tin các lần đăng ký doanh nghiệp gần nhất của doanh nghiệp và thông tin về doanh nghiệp tại thời điểm hiện tại.

b) Báo cáo tổng hợp về người thành lập, quản lý doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất bao gồm: danh sách doanh nghiệp mà cá nhân cụ thể tham gia thành lập, quản lý trong 03 năm gần nhất và vai trò của cá nhân tại các doanh nghiệp đó.

Điều 54. Phạm vi khai thác thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh

1. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh được khai thác những thông tin thuộc phạm vi địa phương quản lý trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh được khai thác thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Báo cáo tổng hợp về người thành lập, quản lý doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc từ Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia để cung cấp cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

Điều 55. Trách nhiệm công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thành lập hoặc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp phải đăng tải nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo quy định tại Điều 28 Luật Doanh nghiệp và tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 05/2013/NĐ-CP.

2. Công ty CP phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty phải gửi bảo đảm bằng văn bản thông báo việc phát hành thêm cổ phần phổ thông đến địa chỉ thường trú của các cổ đông.

Thông báo này phải được đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia hoặc đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể theo quy định tại Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp phải sao gửi quyết định giải thể đến Phòng Đăng ký kinh doanh, tất cả các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong doanh nghiệp.

Doanh nghiệp phải niêm yết công khai quyết định giải thể tại trụ sở chính và chi nhánh của doanh nghiệp và đăng tải quyết định này trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Điều 56. Phương thức đề nghị đăng tải công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp

Doanh nghiệp có thể đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo các phương thức sau:

1. Trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Sau khi tiếp nhận yêu cầu đăng tải công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chuyển yêu cầu cho Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh thuộc Cục Quản lý đăng ký kinh doanh để xử lý đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia;

2. Trực tiếp tại Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh thuộc Cục Quản lý đăng ký kinh doanh;

3. Thông qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Chương IX
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 57. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2013.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 58. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, các doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung.

BỘ TRƯỞNG

Bùi Quang Vinh

DANH MỤC CÁC MẪU VĂN BẢN SỬ DỤNG TRONG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

(Kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Danh mục	Ký hiệu
Mẫu văn bản quy định cho doanh nghiệp/hộ kinh doanh		
I	**Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp và Danh sách kèm theo**	
1	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp tư nhân	Phụ lục I-1
2	Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH một thành viên	Phụ lục I-2
3	Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên	Phụ lục I-3
4	Giấy đề nghị đăng ký công ty cổ phần	Phụ lục I-4
5	Giấy đề nghị đăng ký công ty hợp danh	Phụ lục I-5
6	Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên	Phụ lục I-6
7	Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần	Phụ lục I-7
8	Danh sách thành viên công ty hợp danh	Phụ lục I-8
9	Danh sách người đại diện theo ủy quyền (*áp dụng cho công ty TNHH một thành viên*)	Phụ lục I-9
II	**Thông báo và các văn bản khác do doanh nghiệp phát hành**	
10	Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục II-1
11	Thông báo về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật	Phụ lục II-2
12	Thông báo về việc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân	Phụ lục II-3
13	Thông báo về việc thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên	Phụ lục II-4
14	Thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục II-5
15	Thông báo về việc thay đổi thông tin đăng ký thuế	Phụ lục II-6
16	Thông báo về việc cập nhật thông tin về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	Phụ lục II-7
17	Thông báo về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Phụ lục II-8

STT	Danh mục	Ký hiệu
18	Thông báo về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	Phụ lục II-9
19	Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Phụ lục II-10
20	Giấy đề nghị bổ sung, hiệu đính nội dung Giấy chứng nhận trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục II-11
21	Giấy đề nghị hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện	Phụ lục II-12
22	Giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục II-13
23	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện	Phụ lục II-14
24	Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp/ chi nhánh/văn phòng đại diện	Phụ lục II-15
25	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Phụ lục II-16
26	Thông báo về việc doanh nghiệp chấm dứt tồn tại do bị chia/bị hợp nhất/bị sáp nhập	Phụ lục II-17
27	Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp	Phụ lục II-18
III	**Mẫu văn bản quy định cho hộ kinh doanh**	
28	Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục III-1
29	Danh sách các cá nhân góp vốn thành lập hộ kinh doanh	Phụ lục III-2
30	Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục III-3
31	Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh	Phụ lục III-4
32	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Phụ lục III-5
Mẫu văn bản quy định cho Cơ quan đăng ký kinh doanh		
IV	**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện**	
33	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tư nhân	Phụ lục IV-1
34	Giấy chứng nhận đăng ký công ty TNHH một thành viên	Phụ lục IV-2

STT	Danh mục	Ký hiệu
35	Giấy chứng nhận đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên	Phụ lục IV-3
36	Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần	Phụ lục IV-4
37	Giấy chứng nhận đăng ký công ty hợp danh	Phụ lục IV-5
38	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện	Phụ lục IV-6
V	**Thông báo và các văn bản khác của Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh**	
39	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục V-1
40	Thông báo yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về tình hình kinh doanh	Phụ lục V-2
41	Thông báo về việc rà soát, cập nhật thông tin về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	Phụ lục V-3
42	Thông báo yêu cầu doanh nghiệp đăng ký mã số thuế	Phụ lục V-4
43	Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện	Phụ lục V-5
44	Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh	Phụ lục V-6
45	Giấy xác nhận về việc chi nhánh/văn phòng đại diện đăng ký tạm ngừng hoạt động	Phụ lục V-7
46	Thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục V-8
47	Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục V-9
48	Quyết định về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục V-10
49	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Phụ lục V-11
50	Thông báo về việc đăng ký giải thể của doanh nghiệp (*xin ý kiến cơ quan công an và cơ quan thuế*)	Phụ lục V-12

STT	Danh mục	Ký hiệu
51	Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp	Phụ lục V-13
52	Thông báo về việc xóa tên doanh nghiệp do bị chia/bị hợp nhất/bị sáp nhập	Phụ lục V-14
53	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	Phụ lục V-15
54	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử	Phụ lục V-16
55	Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện	Phụ lục V-17
VI	**Mẫu văn bản quy định cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện**	
56	Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục VI-1
57	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục VI-2
58	Thông báo về việc vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục VI-3
59	Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục VI-4
60	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục VI-5
VII	**Phụ lục khác**	
61	Danh mục chữ cái sử dụng trong đặt tên doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh và hộ kinh doanh	Phụ lục VII-1
62	Mã cấp tỉnh, cấp huyện sử dụng trong đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục VII-2
63	Hướng dẫn về (font) chữ, cỡ chữ, kiểu chữ sử dụng trong các mẫu giấy	Phụ lục VII-3

Phụ lục I-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ……tháng …… năm ……

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tôi là (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*): .....Giới tính:.....

Sinh ngày: ..... /..... / ..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Chứng minh nhân dân số: .....

Ngày cấp: ..... /..... / ..... Nơi cấp: .....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*): .....

Số giấy chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ..... /..... / ..... Ngày hết hạn: ..... /..... /..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Đăng ký doanh nghiệp tư nhân do tôi làm chủ với các nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*): .....

Tên doanh nghiệp viết tắt (*nếu có*): .....

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

3. Ngành, nghề kinh doanh (*ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành

4. Vốn đầu tư ban đầu

Tổng số *(bằng số; VNĐ)*: .....

Trong đó: .....

- Tiền Việt Nam: .....

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi: .....

- Vàng: .....

- Giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật: .....

- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*): .....

5. Vốn pháp định (*đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ*): .....

6. Thông tin đăng ký thuế

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (*nếu có*): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):..... Điện thoại:..... Họ và tên Kế toán trưởng:..... Điện thoại:.....
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (*chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính*):..... Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn:..... Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:..... Tỉnh/Thành phố:..... Điện thoại:.....Fax:..... Email:.....
3	Ngày bắt đầu hoạt động (*trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này*): …../…../…….
4	Hình thức hạch toán (*đánh dấu X vào ô thích hợp*): Hạch toán độc lập ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày …../…..đến ngày …../….. (*ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)*
6	Tổng số lao động (*dự kiến*): …….....
7	Đăng ký xuất khẩu (*có/không*): …….....
8	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (*nếu có tại thời điểm kê khai*): Tài khoản ngân hàng: …….....
	Tài khoản kho bạc: …….....

9	Các loại thuế phải nộp (*đánh dấu X vào ô thích hợp*): Giá trị gia tăng ☐ Tiêu thụ đặc biệt ☐ Thuế xuất, nhập khẩu ☐ Tài nguyên ☐ Thu nhập doanh nghiệp ☐ Môn bài ☐ Tiền thuê đất ☐ Phí, lệ phí ☐ Thu nhập cá nhân ☐ Khác ☐
10	Ngành, nghề kinh doanh chính[1]: ……..... …….....

Tôi cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp, không đồng thời là chủ doanh nghiệp tư nhân khác, không là chủ hộ kinh doanh khác, không là thành viên hợp danh của công ty hợp danh (trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại);

- Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của tôi và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
(*Ký và ghi họ tên*)

Các giấy tờ gửi kèm:
-……..
-……..
-……..

[1] *Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 3 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.*

Phụ lục I-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ……tháng …… năm ……

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố ……

Tôi là (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*): .....Giới tính: .....
Chức danh: .....
Sinh ngày: ..... /.... /..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....
Chứng minh nhân dân số: .....
Ngày cấp: ..... /.... /..... Nơi cấp: .....
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*): .....
Số giấy chứng thực cá nhân: .....
Ngày cấp: ..... /.... /..... Ngày hết hạn: ..... /..... /..... Nơi cấp: .....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....
Xã/Phường/Thị trấn: .....
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....
Tỉnh/Thành phố: .....
Chỗ ở hiện tại:
Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....
Xã/Phường/Thị trấn: .....
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....
Tỉnh/Thành phố: .....
Điện thoại: ..... Fax: .....
Email: ..... Website: .....

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (*đánh dấu X vào ô thích hợp*)

Thành lập mới ☐

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp ☐

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp ☐

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp ☐

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi ☐

2. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*): .....

Tên công ty viết tắt (*nếu có*): .....

3. Địa chỉ trụ sở chính

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

4. Ngành, nghề kinh doanh (*ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Chủ sở hữu

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu không phải là người đại diện theo pháp luật*):

Họ tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*): .....Giới tính: .....

Sinh ngày: ..... /.... /..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Chứng minh nhân dân số: .....

Ngày cấp: ..... /.... /..... Nơi cấp: .....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*): .....

Số giấy chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ..... /.... /..... Ngày hết hạn: ..... /..... /..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập: .....

Do: .....cấp/phê duyệt ngày ..... /...../.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Danh sách người đại diện theo ủy quyền *(kê khai theo mẫu nếu có)*: Gửi kèm

Mô hình tổ chức công ty (*đánh dấu X vào ô thích hợp*):

Hội đồng thành viên ☐

Chủ tịch công ty ☐

6. Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*): .....

7. Nguồn vốn điều lệ

Loại nguồn vốn	**Tỷ lệ (%)**	**Số tiền (*bằng số; VNĐ*)**
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

8. Vốn pháp định (*đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ*): .....

9. Thông tin đăng ký thuế

STT	**Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế**
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (*nếu có*): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc) (*chỉ kê khai nếu Giám đốc, Tổng giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật của công ty*): ……..……..... Điện thoại: ……....…….....…….. Họ và tên Kế toán trưởng: …….....…… Điện thoại: …….....……..
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (*chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính*): …….....…… Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: …….....…… Xã/Phường/Thị trấn: …….....…… Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: …….....…… Tỉnh/Thành phố: …….....…….. Điện thoại: ……Fax: …….....…….. Email: ……

3	Ngày bắt đầu hoạt động (*trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này*): …../…../…….
4	Hình thức hạch toán (*đánh dấu X vào ô thích hợp*): Hạch toán độc lập ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày …../…..đến ngày …../….. (*ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)*
6	Tổng số lao động (*dự kiến*): …….....
7	Đăng ký xuất khẩu (*có/không*): …….....…
8	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (*nếu có tại thời điểm kê khai*):..... Tài khoản ngân hàng: ……..... Tài khoản kho bạc: …….....
9	Các loại thuế phải nộp (*đánh dấu X vào ô thích hợp*): Giá trị gia tăng ☐ Tiêu thụ đặc biệt ☐ Thuế xuất, nhập khẩu ☐ Tài nguyên ☐ Thu nhập doanh nghiệp ☐ Môn bài ☐ Tiền thuê đất ☐ Phí, lệ phí ☐ Thu nhập cá nhân ☐ Khác ☐
10	Ngành, nghề kinh doanh chính[1]: ……..... …….....

[1] *Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.*

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi *(chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp)*:

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Tôi cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY
(*Ký và ghi họ tên*)

Các giấy tờ gửi kèm:
-……..
-……..
-……..

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ……tháng …… năm ……

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …….

Tôi là (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*): .....Giới tính: .....
Chức danh: .....
Sinh ngày: ..... /.... /..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....
Chứng minh nhân dân số: .....
Ngày cấp: ..... /.... /..... Nơi cấp: .....
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*): .....
Số giấy chứng thực cá nhân: .....
Ngày cấp: ..... /.... /..... Ngày hết hạn: ..... /..... /..... Nơi cấp: .....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....
Xã/Phường/Thị trấn: .....
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....
Tỉnh/Thành phố: .....
Chỗ ở hiện tại:
Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....
Xã/Phường/Thị trấn: .....
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....
Tỉnh/Thành phố: .....
Điện thoại: ..... Fax: .....
Email: ..... Website: .....

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (*đánh dấu X vào ô thích hợp*)

Thành lập mới ☐

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp ☐

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp ☐

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp ☐

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi ☐

2. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*): .....

Tên công ty viết tắt (*nếu có*): .....

3. Địa chỉ trụ sở chính

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

4. Ngành, nghề kinh doanh (*ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*)

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*): .....

6. Nguồn vốn điều lệ

Loại nguồn vốn	**Tỷ lệ (%)**	**Số tiền (*bằng số; VNĐ*)**
Vốn trong nước + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Vốn pháp định (*đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ*): .....

8. Danh sách thành viên công ty (*kê khai theo mẫu*): Gửi kèm

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	**Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế**
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (*nếu có*): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc) (*chỉ kê khai nếu Giám đốc, Tổng giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật của công ty*): …….....……. Điện thoại: …….....…….. Họ và tên Kế toán trưởng: ……..... Điện thoại: …….....
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (*chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính*): Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: ……..... Xã/Phường/Thị trấn: ……. ..... Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: ……..... Tỉnh/Thành phố: ……..... Điện thoại: ……Fax: ……..... Email: …….....
3	Ngày bắt đầu hoạt động (*trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này*): …../…../…….

4	Hình thức hạch toán (*đánh dấu X vào ô thích hợp*): Hạch toán độc lập ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày …../…..đến ngày …../….. (*ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)*
6	Tổng số lao động (*dự kiến*): …….....
7	Đăng ký xuất khẩu (*có/không*): …….....
8	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (*nếu có tại thời điểm kê khai*): Tài khoản ngân hàng: ……..... Tài khoản kho bạc: …….....
9	Các loại thuế phải nộp (*đánh dấu X vào ô thích hợp*): Giá trị gia tăng ☐ Tiêu thụ đặc biệt ☐ Thuế xuất, nhập khẩu ☐ Tài nguyên ☐ Thu nhập doanh nghiệp ☐ Môn bài ☐ Tiền thuê đất ☐ Phí, lệ phí ☐ Thu nhập cá nhân ☐ Khác ☐
10	Ngành, nghề kinh doanh chính[1]: ……..... …….....

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi *(chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp)*:

[1] *Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.*

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Tôi cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY
(*Ký và ghi họ tên*)

Các giấy tờ gửi kèm:
- Danh sách thành viên công ty;
-……..
-……..

Phụ lục I-4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ……tháng …… năm ……

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …….

Tôi là (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*): .....Giới tính: .....

Chức danh: .....

Sinh ngày: ./...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Chứng minh nhân dân số: .....

Ngày cấp: ./...../..... Nơi cấp: .....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*): .....

Số giấy chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ./...../..... Ngày hết hạn: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Đăng ký công ty cổ phần do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (*đánh dấu X vào ô thích hợp*)

Thành lập mới ☐

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp ☐

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp ☐

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp ☐

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi ☐

2. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*): .....

Tên công ty viết tắt (*nếu có*): .....

3. Địa chỉ trụ sở chính

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

4. Ngành, nghề kinh doanh (*ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*): .....

Tổng số cổ phần: .....

Mệnh giá cổ phần: .....

6. Số cổ phần, loại cổ phần dự kiến chào bán: .....

7. Nguồn vốn điều lệ

Loại nguồn vốn	**Tỷ lệ (%)**	**Số tiền (*bằng số; VNĐ*)**
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

8. Vốn pháp định (*đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ*): .....

9. Danh sách cổ đông sáng lập (*kê khai theo mẫu*): Gửi kèm

10. Thông tin đăng ký thuế

STT	**Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế**
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (*nếu có*): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc) (*chỉ kê khai nếu Giám đốc, Tổng giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật của công ty*): ……..... Điện thoại: ……..... Họ và tên Kế toán trưởng: ……..... Điện thoại: …….....|
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (*chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính*): Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: ……..... Xã/Phường/Thị trấn: ……..... Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: ……..... Tỉnh/Thành phố: ……..... Điện thoại: ……Fax: ……..... Email: …….....|

3	Ngày bắt đầu hoạt động (*trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này*): …../…../…….
4	Hình thức hạch toán (*đánh dấu X vào ô thích hợp*): Hạch toán độc lập ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày …../…..đến ngày …../….. (*ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)*
6	Tổng số lao động (*dự kiến*): …….....
7	Đăng ký xuất khẩu (*có/không*): ……..…….....
8	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (*nếu có tại thời điểm kê khai*): Tài khoản ngân hàng: ……..... Tài khoản kho bạc: …….....
9	Các loại thuế phải nộp (*đánh dấu X vào ô thích hợp*): Giá trị gia tăng ☐ Tiêu thụ đặc biệt ☐ Thuế xuất, nhập khẩu ☐ Tài nguyên ☐ Thu nhập doanh nghiệp ☐ Môn bài ☐ Tiền thuê đất ☐ Phí, lệ phí ☐ Thu nhập cá nhân ☐ Khác ☐
10	Ngành, nghề kinh doanh chính[1]: ……..... …….....

[1] *Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.*

11. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi *(chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp)*:

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Tôi cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY
(*Ký và ghi họ tên*)

Các giấy tờ gửi kèm:

- Danh sách cổ đông sáng lập;

-……..

-……..

Phụ lục I-5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ……tháng …… năm ……

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY HỢP DANH

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …….

Tôi là (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*): .....Giới tính: .....
Chức danh: .....
Sinh ngày: ./...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....
Chứng minh nhân dân số: .....
Ngày cấp: ./...../..... Nơi cấp: .....
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*): .....
Số giấy chứng thực cá nhân: .....
Ngày cấp: ./...../..... Ngày hết hạn: ..../...../..... Nơi cấp: .....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....
Xã/Phường/Thị trấn: .....
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....
Tỉnh/Thành phố: .....
Chỗ ở hiện tại:
Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....
Xã/Phường/Thị trấn: .....
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....
Tỉnh/Thành phố: .....
Điện thoại: ..... Fax: .....
Email: ..... Website: .....
Là Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty

Đăng ký công ty hợp danh với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (*đánh dấu X vào ô thích hợp*)

Thành lập mới ☐

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp ☐

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp ☐

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp ☐

2. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*): .....

Tên công ty viết tắt (*nếu có*): .....

3. Địa chỉ trụ sở chính

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

4. Ngành, nghề kinh doanh (*ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*): .....

6. Nguồn vốn điều lệ

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (*bằng số; VNĐ*)
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Vốn pháp định (*đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ*): .....

8. Danh sách thành viên công ty (*kê khai theo mẫu*): Gửi kèm

9. Thông tin đăng ký thuế

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (*nếu có*): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc) (*chỉ kê khai nếu Giám đốc, Tổng giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật của công ty*): ……..... Điện thoại: ……..... Họ và tên Kế toán trưởng: ……..... Điện thoại: …….....
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (*chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính*): Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: ……..... Xã/Phường/Thị trấn: ……..... Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: ……..... Tỉnh/Thành phố: ……..... Điện thoại: …… Fax: ……..... Email: …….....
3	Ngày bắt đầu hoạt động (*trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này*): …../…../…….
4	Hình thức hạch toán (*đánh dấu X vào ô thích hợp*): Hạch toán độc lập ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày …../…..đến ngày …../….. (*ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)*
6	Tổng số lao động (*dự kiến*): …….….....
7	Đăng ký xuất khẩu (*có/không*): ……..…….....
8	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (*nếu có tại thời điểm kê khai*): Tài khoản ngân hàng: ……..... Tài khoản kho bạc: …….....

9	Các loại thuế phải nộp (*đánh dấu X vào ô thích hợp*): Giá trị gia tăng ☐ Tiêu thụ đặc biệt ☐ Thuế xuất, nhập khẩu ☐ Tài nguyên ☐ Thu nhập doanh nghiệp ☐ Môn bài ☐ Tiền thuê đất ☐ Phí, lệ phí ☐ Thu nhập cá nhân ☐ Khác ☐
10	Ngành, nghề kinh doanh chính[1]: ……..... …….....

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất *(chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất)*:

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Tôi và các thành viên hợp danh cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp; không đồng thời là thành viên hợp danh của công ty hợp danh khác; không là chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ hộ kinh doanh (trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại);

---

[1] *Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.*

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

CÁC THÀNH VIÊN HỢP DANH *(Ký và ghi họ tên từng thành viên)*	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY** (*Ký và ghi họ tên*)

Các giấy tờ gửi kèm:
- Danh sách thành viên công ty;
-……..
-……..

Phụ lục I-6

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn	Chữ ký của thành viên	Ghi chú[3]
									Giá trị phần vốn góp[1] (*bằng số; VNĐ*)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn[2]			
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**	**13**	**14**	**15**

……, ngày……tháng……năm……

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)[4]

[1] *Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.*

[2] *Loại tài sản góp vốn bao gồm:*

- Tiền Việt Nam

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi

- Vàng

- Giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

- Tài sản khác

[3] *Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi các nội dung Ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp.*

[4] *Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.*

Phụ lục I-7

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp										Chữ ký của cổ đông sáng lập	Ghi chú[2]
									Tổng số cổ phần[1]		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần						Thời điểm góp vốn		
												Phổ thông		……..		……..				
									Số lượng	Giá trị		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị			
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**	**13**	**14**	**15**	**16**	**17**	**18**	**19**	**20**	**21**

……, ngày……tháng……năm……

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)[3]

[1] *Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản.*

[2] *Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi các nội dung Ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp.*

[3] *Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.*

Phụ lục I-8

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Nghề nghiệp, trình độ chuyên môn của thành viên hợp danh	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú[2]
										Giá trị phần vốn góp (*bằng số; VNĐ*)[1]	Tỷ lệ (%)	Thời điểm góp vốn		
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**	**13**	**14**	**15**
	A.Thành viên hợp danh													
	B.Thành viên góp vốn (*nếu có*)													

……, ngày……tháng……năm……

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)[3]

---

[1] *Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.*

[2] *Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi các nội dung Ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp.*

[3] *Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.*

Phụ lục I-9

DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký	Ghi chú[1]
									Tổng giá trị vốn được đại diện	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**	**13**	**14**

……, ngày……tháng……năm……

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)[2]

---

[1] *Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi nội dung Ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp.*

[2] *Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.*

Phụ lục II-1

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ……..	
	……, ngày…… tháng…… năm ……

THÔNG BÁO
Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố ……

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế)*: .....

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(*Đánh dấu X vào nội dung dự kiến thay đổi*)[1]

Nội dung đăng ký thay đổi	**Đánh dấu**
- Tên doanh nghiệp	☐
- Địa chỉ trụ sở chính	☐
- Ngành, nghề kinh doanh	☐
- Người đại diện theo ủy quyền công ty TNHH một thành viên, thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên, thành viên công ty hợp danh, cổ đông sáng lập công ty cổ phần	☐
- Vốn đầu tư của doanh nghiệp tư nhân/vốn điều lệ của công ty	☐

[1] *Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký thay đổi và gửi kèm.*

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi *(nếu có)*: ....

Tên doanh nghiệp viết tắt dự kiến thay đổi *(nếu có)*: ....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

1. Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

2. Thông tin về người đại diện theo pháp luật[2]

Họ và tên người đại diện theo pháp luật: .....

Chứng minh nhân dân số: .....

Ngày cấp: ...../...../.....Nơi cấp: .....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND)*: .....

Số giấy chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../.....Ngày hết hạn: ...../...../.....Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

---

[2] *Chỉ kê khai trong trường hợp chuyển trụ sở chính của doanh nghiệp sang tỉnh, thành phố khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 35 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.*

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

Ghi ngành, nghề kinh doanh dự kiến sau khi bổ sung hoặc thay đổi (*ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	**Tên ngành**	**Mã ngành**

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN/THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN/THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH/ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

1. Trường hợp thay đổi người đại diện theo ủy quyền: kê khai theo Danh sách người đại diện theo ủy quyền mới mẫu quy định tại Phụ lục I-9.

2. Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6 hoặc Phụ lục I-8 (*Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó*).

3. Trường hợp thay đổi cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ, VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP, TỶ LỆ VỐN ĐẠI DIỆN

1. Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân/vốn điều lệ của công ty:

Vốn đầu tư/vốn điều lệ đã đăng ký:.....

Vốn đầu tư/vốn điều lệ dự kiến thay đổi:.....

Thời điểm thay đổi vốn:.....

Hình thức tăng, giảm vốn:.....

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp

Kê khai tỷ lệ vốn góp dự kiến thay đổi của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/cổ đông sáng lập công ty cổ phần/thành viên công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, I-7, I-8.

3. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn đại diện

Kê khai tỷ lệ vốn đại diện dự kiến thay đổi của người đại diện theo ủy quyền công ty TNHH một thành viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I-9.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

Các giấy tờ gửi kèm:
-……
-……
-……

Phụ lục II-2

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……..	*……, ngày…… tháng…… năm ……*

THÔNG BÁO
Về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …….

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Người đại diện theo pháp luật hiện tại:

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa)*: ..... Giới tính: .....

Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../...../.....Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Chứng minh nhân dân số: .....

Ngày cấp: ...../...../.....Nơi cấp: .....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*): .....

Số giấy chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../.....Ngày hết hạn: ... /..... /..... Nơi cấp: .....

2. Người đại diện theo pháp luật dự kiến:

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa)*: ..... Giới tính: .....

Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../...../.....Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Chứng minh nhân dân số: .....

Ngày cấp: ...../...../.....Nơi cấp: .....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*): .....

Số giấy chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../.....Ngày hết hạn: ... /..... /..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/
CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY/
CHỦ TỊCH CÔNG TY/
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ[1]
(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

Các giấy tờ gửi kèm:
- ……..
- ……..
- ……..

[1] *Chức danh cụ thể của người ký Thông báo thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 38 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP*

Phụ lục II-3

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……..	*……, ngày……tháng……năm……*

THÔNG BÁO
Về việc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố……..

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Thông báo thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân với các nội dung sau:

Trường hợp thay đổi chủ doanh nghiệp (*chọn một trong các trường hợp thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân*)

Tặng cho doanh nghiệp tư nhân ☐

Chủ doanh nghiệp chết, mất tích ☐

Bán doanh nghiệp tư nhân ☐

1. Người tặng cho/Người chết, mất tích/Người bán

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): ..... Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../...../.....Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Chứng minh nhân dân số: .....

Ngày cấp: ...../...../.....Nơi cấp: .....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*): .....

Số giấy chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../.....Ngày hết hạn: ... /..... /..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Chỗ ở hiện tại (*trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết, mất tích không cần kê khai nội dung này*):

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

2. Người được tặng cho/Người thừa kế/Người mua

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): ..... Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../ ...../ .....Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Chứng minh nhân dân số: .....

Ngày cấp: ...../ ...../ .....Nơi cấp: .....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*): .....

Số giấy chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../ ...../ .....Ngày hết hạn: ... /..... /..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

NGƯỜI ĐƯỢC TẶNG CHO/ NGƯỜI ĐƯỢC THỪA KẾ/NGƯỜI MUA (*Ký, ghi họ tên*)	**CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN**[1] (*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

Các giấy tờ gửi kèm:
- Hợp đồng tặng cho doanh nghiệp;
- Giấy chứng tử/Tuyên bố mất tích;
- Giấy kê khai di sản thừa kế;
- ……

[1] *Không có phần nội dung này trong trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết, mất tích.*

Phụ lục II-4

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ……..	
	……, ngày…… tháng…… năm ……

THÔNG BÁO
Về việc thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố ……

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên như sau:

1. Thông tin chủ sở hữu cũ

a. Đối với chủ sở hữu là cá nhân

Họ và tên chủ sở hữu *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

.....Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../...../.....Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Chứng minh nhân dân số: .....

Ngày cấp: ...../...../.....Nơi cấp: .....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*): .....

Số giấy chứng thực cá nhân:.. .....

Ngày cấp: ...../...../..... Ngày hết hạn: ..... /...../..... Nơi cấp: .....

b. Đối với chủ sở hữu là tổ chức

Tên chủ sở hữu *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập: .....

Do: .....cấp/phê duyệt ngày: ..... /...../ .....

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

2. Thông tin chủ sở hữu mới

a. Đối với chủ sở hữu là cá nhân

Họ và tên chủ sở hữu *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../ ...../ .....Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Chứng minh nhân dân số: .....

Ngày cấp: ...../ ...../ .....Nơi cấp: .....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*): .....

Số giấy chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../ ...../ .....Ngày hết hạn: ... /..... /..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

b. Đối với chủ sở hữu là tổ chức

Tên chủ sở hữu *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập: .....

Do: .....cấp/phê duyệt ngày: ..... /...../ .....

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Mô hình tổ chức công ty (*đánh dấu X*):

Hội đồng thành viên ☐

Chủ tịch công ty ☐

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

CHỦ SỞ HỮU MỚI/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ SỞ HỮU MỚI	**CHỦ SỞ HỮU CŨ/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ SỞ HỮU CŨ**[1]
(Ký, ghi họ tên)	*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các giấy tờ gửi kèm:

- ……..
- ……..
- ……..

[1] *Không có phần nội dung này trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên do thừa kế.*

Phụ lục II-5

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ……..	
	……, ngày…… tháng…… năm ……

THÔNG BÁO
Về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố ……

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp như sau:

.....

.....

.....

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

	ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Các giấy tờ gửi kèm:	**CỦA DOANH NGHIỆP**
- …….	(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)
- …….	
- …….	

Phụ lục II-6

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ……..	
	……, ngày…… tháng…… năm ……

THÔNG BÁO
Về việc thay đổi thông tin đăng ký thuế

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố ……..

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế như sau[1]:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng: Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): …….... Điện thoại: …….... Họ và tên Kế toán trưởng: …….... Điện thoại: …….....
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: ……..... Xã/Phường/Thị trấn: …….... Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: ……..... Tỉnh/Thành phố: ……... Điện thoại: ……Fax: …….. ….... Email: ……...
3	Hình thức hạch toán (*đánh dấu X vào ô thích hợp*): Hạch toán độc lập ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐

[1] *Chỉ kê khai những thông tin dự kiến thay đổi.*

4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày …..…/…….. đến ngày …..…/..…… *(Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)*
5	Tổng số lao động: …….…
6	Đăng ký xuất khẩu: ……..
7	Tài khoản ngân hàng, kho bạc: Tài khoản ngân hàng: ……..... Tài khoản kho bạc: …….....
8	Các loại thuế phải nộp *(đánh dấu X vào ô thích hợp)*: Giá trị gia tăng ☐ Tiêu thụ đặc biệt ☐ Thuế xuất, nhập khẩu ☐ Tài nguyên ☐ Thu nhập doanh nghiệp ☐ Môn bài ☐ Tiền thuê đất ☐ Phí, lệ phí ☐ Thu nhập cá nhân ☐ Khác ☐
9	Ngành, nghề kinh doanh chính[2]: …… ……

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:
- ……..
- ……..
- ……..

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

[1] *Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký hoặc dự kiến đăng ký bổ sung là ngành, nghề kinh doanh chính.*

Phụ lục II-7

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: …….	
	...., ngày ... tháng ... năm……

THÔNG BÁO
Về việc cập nhật thông tin về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố ……

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):* .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):* .....

Sau khi rà soát thông tin đăng ký kinh doanh và thông tin đăng ký thuế, doanh nghiệp xác nhận (tích chọn phần kết quả phù hợp với kết quả kiểm tra của doanh nghiệp):

I. Thông tin về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đầy đủ, chính xác ☐

II. Thông tin về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế có sai khác ☐

Trường hợp này, doanh nghiệp cập nhật chính xác những thông tin sau:

Thông tin đăng ký kinh doanh	Thông tin đăng ký thuế
1. Đối với doanh nghiệp: ……	1. Đối với doanh nghiệp: ……
2. Các chi nhánh: ……	2. Các chi nhánh: ……
3. Các VPĐD: ……	3. Các VPĐD: ……

Doanh nghiệp cam kết:

1. Tiến hành các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT.

2. Thực hiện bổ sung hoặc thay đổi những thông tin về số điện thoại, fax, email, website, địa chỉ của doanh nghiệp do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ của cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 47 Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT.

3. Thực hiện bổ sung các thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mà không làm thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 47 Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT.

4. Thực hiện thay đổi nội dung đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT.

5. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ gửi kèm:
- ……..
- …….
- …….

Phụ lục II-8

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……..	*……, ngày…… tháng…… năm ……*

THÔNG BÁO
Về việc lập chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …….

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Thông báo lập địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt *(ghi bằng chữ in hoa):* .....

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):.....

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết tắt (*nếu có*): .....

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành

b) Nội dung hoạt động (*đối với văn phòng đại diện*): .....

4. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (*ghi bằng chữ in hoa*): ..... Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Chứng minh nhân dân số: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*): .....

Số giấy chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Ngày hết hạn: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

5. Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh: .....

Địa chỉ chi nhánh: .....

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*): .....

6. Thông tin đăng ký thuế

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (*chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính*): Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: ……..... Xã/Phường/Thị trấn: ……..... Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: ……..... Tỉnh/Thành phố: ……..... Điện thoại: ……Fax: ……..... Email: …….....
2	Ngày bắt đầu hoạt động (*trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì không cần kê khai nội dung này*): …../…../…….
3	Hình thức hạch toán (*đánh dấu X vào ô thích hợp*): Hạch toán độc lập ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày …..…/..…… đến ngày …..…/…… (*ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán*)
5	Tổng số lao động (*dự kiến*): …….....
6	Đăng ký xuất khẩu (*có/không*): …….....
7	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (*nếu có tại thời điểm kê khai*): Tài khoản ngân hàng: …….....
	Tài khoản kho bạc: …….....
8	Các loại thuế phải nộp (*đánh dấu X vào ô thích hợp*): Giá trị gia tăng ☐ Tiêu thụ đặc biệt ☐ Thuế xuất, nhập khẩu ☐

	Tài nguyên ☐ Thu nhập doanh nghiệp ☐ Môn bài ☐ Tiền thuê đất ☐ Phí, lệ phí ☐ Thu nhập cá nhân ☐ Khác ☐
9	Ngành, nghề kinh doanh/Nội dung hoạt động chính[1]: ……..... …….....

Doanh nghiệp cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

Các giấy tờ gửi kèm:
-……..
-……..
-……..

[1] *Chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động liệt kê tại mục 3 dự kiến là nội dung hoạt động chính của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tại thời điểm đăng ký.*

Phụ lục II-9

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ……..	
	……, ngày…… tháng…… năm ……

THÔNG BÁO
Về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố ……

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Thông báo về việc lập chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài như sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*): .....

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết tắt (*nếu có*): .....

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

.....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

3. Số Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương khác: .....

Do (*tên cơ quan nước ngoài cấp*): ……cấp ngày:...../…../.....

4. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động

a) Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh*): .....

b) Nội dung hoạt động (*đối với văn phòng đại diện*): .....

5. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện

Họ tên người đứng đầu (*ghi bằng chữ in hoa*): ..... Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../ ...../ .....Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Chứng minh nhân dân số: .....

Ngày cấp: ...../ ...../ .....Nơi cấp: .....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*): .....

Số giấy chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../ ...../ .....Ngày hết hạn: ..... /.... /..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

Các giấy tờ gửi kèm:

-……..

-……..

-……..

Phụ lục II-10

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ……..	
	……, ngày…… tháng…… năm ……

THÔNG BÁO
Về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/ văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố ……..

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại điện/địa điểm kinh doanh: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*): .....

Nội dung đăng ký thay đổi:

.....

.....

.....

.....

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

	ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP
Các giấy tờ gửi kèm:	(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)
-……..	
-……..	
-……..	

Phụ lục II-11

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ……..	
	……, ngày…… tháng…… năm ……

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Bổ sung, hiệu đính nội dung Giấy chứng nhận trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố ……..

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa):* .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):* .....

Đề nghị bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin như sau:

- Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hiện nay là:

.....

.....

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hiện nay là: .....

.....

.....

Do vậy, đề nghị Quý Phòng bổ sung, hiệu đính thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo đúng thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế mà doanh nghiệp đã đăng ký.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

	ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Các giấy tờ gửi kèm:	**CỦA DOANH NGHIỆP**
- ……..	*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*
- …….	
- …….	

Phụ lục II-12

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……..	*……, ngày……tháng……năm……*

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố……

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Đề nghị hiệu đính thông tin như sau:

Thông tin tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp hiện nay là: .....

.....

.....

Nay đề nghị hiệu đính như sau: .....

.....

.....

Doanh nghiệp cam kết:

- Thông tin yêu cầu hiệu đính phù hợp với nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện đã nộp;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

Các giấy tờ gửi kèm:
-…….
-…….
-…….

Phụ lục II-13

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …….	*……, ngày…… tháng…… năm ……*

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố ……..

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Đề nghị được cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 5 Điều 6 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. Trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, đề nghị cập nhật, bổ sung mã ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam đối với những ngành, nghề mà doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh như sau[1]:

STT	Tên ngành	Mã ngành

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

Các giấy tờ gửi kèm:
-……..
-……..

[1] *Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Điều 4 Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT*

Phụ lục II-14

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …….	*……, ngày…… tháng…… năm ……*

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố ……...

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện.

Lý do đề nghị cấp lại: .....

.....

.....

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

Các giấy tờ gửi kèm:
- …….
-……..
-……..

Phụ lục II-15

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ……..	
	……, ngày…… tháng…… năm ……

THÔNG BÁO
Về việc tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp/ chi nhánh/văn phòng đại diện

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố……

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

1. Đối với doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh

Đăng ký tạm ngừng kinh doanh cho đến ngày….tháng….năm……

2. Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện đăng ký tạm ngừng hoạt động

Đăng ký tạm ngừng hoạt động cho đến ngày….tháng….năm…..đối với chi nhánh/văn phòng đại diện sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện (*ghi bằng chữ in hoa*) .....

Mã số: .....

Lý do tạm ngừng: .....

.....

.....

Doanh nghiệp cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ gửi kèm:
-……..
-……..
-……..

Phụ lục II-16

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……..	*……, ngày…… tháng…… năm ……*

THÔNG BÁO
Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố …….

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*chỉ kê khai nếu không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và mã số thuế chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh*): .....

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: ....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

3. Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh: .....

Địa chỉ chi nhánh: .....

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*): .....

Do Phòng Đăng ký kinh doanh: .....

cấp ngày: ..... /..... / .....

Doanh nghiệp cam kết đã thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

Các giấy tờ gửi kèm:
-……..
-……..
-……..

Phụ lục II-17

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: …….	
	……, ngày…… tháng…… năm ……

THÔNG BÁO
Về việc doanh nghiệp chấm dứt tồn tại
do bị chia/bị hợp nhất/bị sáp nhập

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố ……..

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Thông báo về việc công ty chấm dứt sự tồn tại do:

(Nội dung này được ghi tương ứng với từng trường hợp)

(1) Đã bị chia thành các công ty sau:

- Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Do .....cấp ngày.....

- Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Do .....cấp ngày.....

(2) Đã bị hợp nhất thành công ty sau:

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Do .....cấp ngày.....

(3) Đã bị sáp nhập vào công ty sau:

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Do .....cấp ngày.....

Công ty cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

Các giấy tờ gửi kèm:
-……..
-……..
-……..

Phụ lục II-18

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ……..	
	……, ngày…… tháng…… năm ……

THÔNG BÁO
Về việc giải thể doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố……

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): .....

Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp như sau:

Quyết định giải thể số: .....ngày ...../...../.....

Lý do giải thể: .....

.....

.....

Doanh nghiệp cam kết đã hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

Các giấy tờ gửi kèm:
- ……..
- ……..
- …….

(Xem tiếp Công báo số 89 + 90)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng